

Số: 144 /BC-PCTT

Bình Dương, ngày 31 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020

Căn cứ Công văn số 01/TWPCTT ngày 02/01/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2019 và định hướng triển khai nhiệm vụ năm 2020,

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Dương báo cáo như sau:

A. TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH THIÊN TAI, THIẾT HẠI

1. Diễn biến thiên tai

a) Mưa: So với năm 2018, mưa trái mùa năm 2019 xuất hiện ít hơn và mùa mưa đến muộn hơn (khoảng từ ngày 9/5 mới bước vào mùa mưa). Mùa mưa kết thúc vào khoảng cuối tháng 10, một số nơi kéo dài sang tháng 11. Tổng lượng mưa trong năm 2019 phân bố không đều, khu vực phía Nam tỉnh (bao gồm thành phố Thủ Dầu Một, Dĩ An và Thuận An) cao hơn so với TBNN từ $(34 \div 207)$ mm, trong khi các nơi khác lại thấp hơn TBNN phổ biến từ $(37 \div 247)$ mm. So với năm 2018, tổng lượng mưa trong năm 2019 ở các nơi phổ biến ở mức thấp hơn từ $10 \div 30\%$.

(Lượng mưa cụ thể xem tại Phụ lục 1 kèm theo).

b) Lốc xoáy: Trong năm 2019, xảy ra 08 trận mưa kèm theo lốc xoáy (năm 2018 có 22 trận lốc xoáy). Lốc xoáy đã làm sập và tốc mái nhiều căn nhà, gây đổ cây cao su, cây xanh, trụ điện, hàng rào, biển quảng cáo, cổng chào khu phố.

c) Hạn hán: Mùa khô năm 2019, trên địa bàn tỉnh Bình Dương không xảy ra tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước sản xuất nông nghiệp.

d) Nhiễm mặn: Nhiễm mặn trên sông Sài Gòn xuất hiện sớm từ cuối tháng 01/2019. Độ mặn cao nhất đo được tại Lái Thiêu: 1,5‰, Cầu Ngang: 1,3‰ và Thủ Dầu Một: 0,4‰ vào ngày 21/3/2019. Hồ Dầu Tiếng đã xả nước qua tràn đẫy mặn trên sông Sài Gòn 02 đợt (đợt 1 từ 07 giờ ngày 20/3 đến 7 giờ ngày 25/3; đợt 2 từ 7 giờ ngày 17/4 đến 7 giờ ngày 23/4) với tổng lượng xả 29,7 triệu m^3 . Nền độ mặn trên sông Sài Gòn giảm, không ảnh hưởng đến nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

đ) Triều cường: Tại trạm Thủ Dầu Một (cảng Bà Lụa), đỉnh triều cao nhất là **1,67 m** xảy ra vào ngày 30/9/2019, cao hơn mức báo động III là 0,37m, đây là đỉnh triều cao nhất lịch sử trong 68 năm qua. Mức nước chân triều thấp nhất - 1,78m vào ngày 28/8/2019.

(Mức nước các sông trong các tháng mùa lũ xem tại Phụ lục 2 kèm theo).

e) Tình hình xả tràn các hồ chứa Quốc gia:

Năm 2019, hồ Dầu Tiếng có 04 đợt xả qua tràn; trong đó, 02 đợt xả đầy mặn và 02 đợt xả làm giảm ô nhiễm amoni, mangan với tổng lượng xả là 27,64 triệu m³.

Hồ Srok Phu Miêng xả tràn 02 đợt; hồ Trị An xả tràn 02 đợt. Tổng lưu lượng xả lớn nhất xuống sông Đồng Nai là 2.331m³/s (ngày 23/9, bao gồm cả Trị An và Srok Phu Miêng).

g) Sạt lở bờ sông:

Trên địa bàn tỉnh có 51 điểm sạt lở ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp, đường giao thông và nhà ở của người dân. Trong đó,

- Sông Sài Gòn có 16 điểm sạt lở (02 điểm phát sinh trong năm 2019 và 14 điểm sạt lở cũ từ các năm trước) các điểm sạt lở hiện đã ổn định.

- Sông Thị Tính có 05 điểm sạt lở (các điểm sạt lở cũ từ các năm trước) hiện đã ổn định.

- Sông Bé có 01 điểm sạt lở từ năm 2010, hiện đã ổn định.

- Sông Đồng Nai có 29 điểm sạt lở (05 điểm phát sinh trong năm 2019 thuộc huyện Bắc Tân Uyên do ảnh hưởng của xả tràn hồ Trị An, Srok Phu Miêng kết hợp mưa lớn, hiện đã ổn định; 24 điểm sạt lở cũ từ các năm trước, trong đó có 04 điểm vẫn tiếp tục sạt lở trong năm 2019 và 20 điểm hiện đã ổn định.

(Thông tin cụ thể xem tại Phụ lục 3 kèm theo).

h) Bão, áp thấp nhiệt đới:

Năm 2019, trên Biển Đông xuất hiện 08 cơn bão và 04 cơn áp thấp nhiệt đới; trong đó, có 4 cơn bão (số 2, 3, 4 và 5) và 1 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Tỉnh Bình Dương không chịu ảnh hưởng trực tiếp, tuy nhiên bị ảnh hưởng của hoàn lưu gây ra một số đợt mưa lớn trên diện rộng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và giao thông của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Tình hình thiệt hại

- Về người: Không có.

- Về nhà cửa: Tộc mái 224 căn nhà (trong đó có 26 căn ki ốt, phòng trọ), 11 công trình phụ (nhà kho, nhà mát) và 03 nhà xưởng, 02 phòng học; ngập 786 lượt căn nhà.

- Về sản xuất nông nghiệp: Thiệt hại hoàn toàn 319,86 ha lúa, hoa màu; ngã đổ 58,41ha cây cao su và 1,35ha cây ăn quả; chết 01 con bò, trôi 213 con gia cầm, ngập 4,61ha ao nuôi cá.

- Về giao thông, thủy lợi: Tràn 2.125m bờ rạch; sạt, bể 486m bờ kênh, rạch, gây ngập khoảng 111ha đất vườn ảnh hưởng sinh hoạt, đi lại của 786 hộ dân; hư hỏng, sạt 7,26km, ngập 4,12km đường giao thông.

- Thiệt hại khác: Gãy 01 trụ viễn thông, 01 trụ điện đường dây 3 pha, đứt 06 đoạn đường dây điện hạ thế dài khoảng 3,2 km gây mất điện cục bộ; sập 95m tường rào; hư hỏng 10 cổng chào, pa nô; sập 3.500m² nhà lưới trồng rau; hư hỏng nhiều vật dụng gia đình.

Ước tổng giá trị thiệt hại về tài sản năm 2019 khoảng 19,3492 tỷ đồng.

(Chi tiết thiệt hại xem tại Phụ lục 4).

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Về phòng ngừa

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Văn bản để triển khai thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh như sau:

- Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 về việc kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh năm 2019 và 100% các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn đã thực hiện kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 về Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Hàng năm, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung phương án ứng phó với các loại hình thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tế.

- Kế hoạch số 5412/KH-UBND ngày 09/11/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung Kế hoạch, đồng thời triển khai, theo dõi, đôn đốc Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đảm bảo nội dung, tiến độ, chất lượng, góp phần đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

- Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 về việc giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2019 cho các huyện, thị xã và thành phố Thủ Dầu Một.

- Kế hoạch số 1398/KH-UBND ngày 03/4/2019 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019.

b) Quỹ phòng, chống thiên tai

Tính đến ngày 30/11/2019, toàn tỉnh thu được 41,39 tỷ đồng, đạt 112,79% so với kế hoạch năm 2019 và bằng 107,7% so với cùng kỳ 2018.

Đã chi 23,5 tỷ đồng hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, sửa chữa công trình phòng chống thiên tai và mua sắm trang thiết bị phục vụ phòng, tránh, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

(Số liệu thu Quỹ xem tại Phụ lục 5).

c) Kết quả thực hiện nâng cao năng lực Văn phòng thường trực cấp tỉnh:

- Về tăng cường nguồn lực:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh được đặt tại Chi cục Thủy lợi. Lực lượng cán bộ được cử tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn,... do Trung ương, các Bộ ngành tổ chức để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về phòng chống thiên tai thường xuyên được Chi cục rà soát, quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị để nắm vững, tham mưu theo đúng quy định của pháp luật. Chú trọng tăng cường công tác đi thực tế tại địa phương, tạo điều kiện cho cán bộ nắm vững địa bàn, tình hình thiên tai thực tế để chủ động tham mưu, xử lý công việc phù hợp với đặc điểm, tình hình nhiệm vụ được giao.

Chế độ trực ban phòng, chống thiên tai được thực hiện nghiêm túc theo quy định; thiết lập số điện thoại đường dây nóng của Văn phòng thường trực, công tác theo dõi tình hình khí tượng thủy văn, cảnh báo, dự báo thiên tai, chỉ đạo của Trung ương,... được thực hiện chặt chẽ, kịp thời tham mưu Ban Chỉ huy chỉ đạo, điều hành, thông báo đến các địa phương và nhân dân biết để tổ chức phòng, tránh có hiệu quả.

- Về trang thiết bị:

Về việc xây dựng phòng họp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai: Tỉnh Bình Dương đề nghị không đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến phục vụ ứng phó thiên tai, khi họp trực tuyến sẽ sử dụng phòng họp trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Về trang thiết bị, cơ sở vật chất: Các trang thiết bị (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy pho to, máy in, máy fax, máy ảnh kỹ thuật số có chức năng camera, máy chiếu, tivi,...) được trang bị cơ bản đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

- Về cơ sở dữ liệu, phần mềm phục vụ công tác phòng chống thiên tai: VPTT được trang bị các bản đồ phục vụ công tác phòng chống thiên tai (Bản đồ theo dõi Bão và ATNĐ, bản đồ ngập ứng phó khẩn cấp hạ du hồ Dầu Tiếng, xả lũ thủy điện Trị An, hiện trạng các vùng có nguy cơ ngập lụt trên địa bàn

tính...) sẵn sàng phục vụ cho công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai.

Đề tài “Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác phòng chống ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Dương” với mục tiêu xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định (DSS) phục vụ công tác phòng chống ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã được nghiệm thu hoàn thành, đã được tập huấn cho VPTT và đang thực hiện thủ tục chuyển giao đưa vào ứng dụng.

d) Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó của các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng về phòng, chống thiên tai:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 2086/UBND-KTTH ngày 09/5/2019 tổ chức hưởng ứng “Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai” năm 2019; Tổ chức lễ mittinh cấp tỉnh, tăng cường công tác thông tin truyền thông trên các phương tiện truyền thôn, phát hành 5.400 cuốn sổ tay “Hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc chuẩn bị nhân lực vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai”,... nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, hộ gia đình và tới từng cá nhân trong việc chuẩn bị nhân lực vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai. Triển khai cho các Sở, ngành, địa phương thực hiện công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai: Phổ biến các tài liệu, sản phẩm truyền thông do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai xây dựng.

đ) Công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”:

Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai được các địa phương xây dựng đầy đủ trình tự trước, trong và sau thiên tai; phương án bố trí lực lượng, vật tư, phương tiện, kinh phí dự phòng, hiệp đồng dự trữ nhiên liệu, nhu yếu phẩm, thuốc chữa bệnh được rà soát, cập nhật thường xuyên và đảm bảo huy động đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và kịp thời khi thiên tai xảy ra.

Các nội dung của tiêu chí 3.2. “Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ” trong xây dựng nông thôn mới được triển khai, quán triệt đầy đủ, sâu rộng trong cán bộ, nhân dân của 46 xã xây dựng nông thôn mới. Việc thực hiện các tiêu chí của các xã được kiểm tra, giám sát, đánh giá chặt chẽ, hiện nay 46/46 xã (100%) đều đạt chỉ tiêu, đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu tiêu chí. 91/91 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thành lập lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai, đây là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Công tác tập huấn, diễn tập:

Tổ chức lớp tập huấn Luật phòng chống thiên tai, các văn bản dưới luật nâng cao năng lực cho 112 cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 02 đợt diễn tập phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã tại xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng và xã An Thái,

huyện Phú Giáo với hơn 650 lượt người tham gia. Qua diễn tập, đã nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động của lực lượng tìm kiếm cứu nạn, đồng thời giúp cho nhân dân hiểu biết về phòng chống thiên tai góp phần nâng cao tính chủ động của cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai.

g) Thực hiện mua sắm 208 trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh với tổng mức đầu tư trên 8 tỷ đồng (từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai) gồm: Ca nô, xuồng bơm hơi, thiết bị cứu hộ cứu nạn dưới nước, thiết bị thông tin, chiếu sáng, máy phát điện, loa cầm tay, cưa máy; tiếp nhận 800 phao tròn, 800 phao áo, 67 nhà bạt, 07 bè nhẹ cứu sinh từ hàng dự trữ Quốc gia và thực hiện phân bổ, bàn giao cho các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng.

2. Về ứng phó

- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai: Văn phòng thường trực phối hợp chặt chẽ với Đài khí tượng thủy văn Bình Dương, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam và các hồ chứa Quốc gia để nắm tình hình khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai và kịp thời thông báo đến các địa phương, nhân dân biết để tổ chức phòng, tránh có hiệu quả. Các bản tin dự báo, cảnh báo về mưa, dông lốc, triều cường sát với diễn biến thực tế tại địa phương.

- Công tác thông tin, truyền tải các bản tin cảnh báo, dự báo đến các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng để phòng, tránh:

Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh liên tục cập nhật diễn biến thiên tai, các chỉ đạo của Trung ương, tỉnh thông báo và triển khai phương án ứng phó với thiên tai đến các đơn vị Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một bằng nhiều hình thức (email, điện thoại, fax); chuyển các tài liệu, phim hướng dẫn về kỹ thuật ứng phó với thiên tai (chằng chống nhà cửa, di dời tài sản, neo đậu tàu thuyền....) để thông tin rộng rãi đến cộng đồng.

Tại cơ sở, 100% các xã, phường, thị trấn tiếp nhận đầy đủ, chính xác thông tin cảnh báo, chỉ đạo ứng phó thiên tai; trước và trong thời gian xảy ra thiên tai các đơn vị chức năng tăng cường đưa tin trên Báo, tăng thời lượng phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Phát thanh cấp huyện, xã; xe thông tin lưu động.

- Công tác trực ban phòng, chống thiên tai được thực hiện nghiêm túc từ cấp tỉnh đến cơ sở; công tác chỉ đạo, tổ chức ứng phó với thiên tai được thực hiện đúng Kế hoạch, Phương án đã ban hành, lực lượng, phương tiện, vật tư ứng phó thiên tai được huy động đầy đủ, tuân thủ phương châm 4 tại chỗ nên đạt hiệu quả cao, kịp thời xử lý sự cố thiên tai ngay từ giờ đầu.

3. Công tác khắc hậu quả, tái thiết sau thiên tai

Trong năm, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ cho các địa phương thực hiện sửa chữa 48

công trình phòng chống thiên tai (bao gồm các công trình chuyển tiếp từ năm 2018) và tạm ứng cho các địa phương (mỗi huyện, thị xã, thành phố 300 triệu đồng) từ Quỹ phòng, chống thiên tai để chủ động hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai với tổng kinh phí hỗ trợ 17,9 tỷ đồng.

Công tác hỗ trợ khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai trên địa bàn tỉnh được thực hiện kịp thời, hiệu quả, giúp nhân dân sớm ổn định cuộc sống và sản xuất; thực hiện công khai, công bằng, minh bạch; được giám sát chặt chẽ từ cấp cơ sở theo đúng quy định được ban hành nên được sự đồng thuận cao của người dân, không xảy ra khiếu nại, tố cáo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Thuận lợi

- Công tác phòng, chống thiên tai ngày càng được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các cấp chính quyền địa phương tạo sự chủ động, tích cực và trách nhiệm trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Công tác phòng chống thiên tai đạt hiệu quả cao khi có sự tham gia tích cực của cộng đồng. Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở ngành, đơn vị đã chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, cảnh báo thiên tai kịp thời bằng các hình thức phát tờ rơi, các tin, bài, phóng sự trên Báo, Đài Phát thanh truyền hình; tổ chức các lớp tập huấn, diễn tập để nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác của cộng đồng chủ động phòng, tránh, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền về Quỹ phòng chống thiên tai để các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiểu rõ về Quỹ, tránh phát sinh các phản ứng, dư luận tiêu cực gây mất ổn định, trật tự mà chủ yếu là người lao động trong doanh nghiệp.

- Việc xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện, huy động lực lượng, phương tiện theo phương châm 4 tại chỗ được thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, đơn vị liên quan trong đó đặc biệt là Đài Khí tượng Thủy văn Bình Dương, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp nên việc xử lý các tình huống đồng bộ, nhịp nhàng, đạt hiệu quả cao.

- Công tác kiểm tra công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai đảm bảo an toàn trước, trong và sau mùa bão được các cấp chính quyền, đơn vị quản lý thực hiện đầy đủ và kịp thời xử lý những vị trí xung yếu, xuống cấp, chủ động sửa chữa các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai sau mỗi đợt thiên tai góp phần hạn chế mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Khó khăn, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP có quy định chi Quỹ cho duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đề, lực lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã nhưng các văn bản pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về các nội dung, định mức chi nên còn khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thì quy định về Nguồn lực hỗ trợ gồm: a) *Dự phòng ngân sách trung ương*; b) *Dự phòng ngân sách địa phương*; c) *Quỹ phòng, chống thiên tai*; d) *Nguồn dự trữ quốc gia*; đ) *Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*.

Tuy nhiên, trong Điều 9, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP đều không có quy định về nội dung chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Mức báo động trên Sông Sài Gòn, Đồng Nai theo Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2010 quá dày, gây ảnh hưởng bất cập đến công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai do theo quy định của Nghị định số 160/2018/NĐ-CP.

- Lực lượng cán bộ làm việc trong lĩnh vực PCTT và TKCN chủ yếu là kiêm nhiệm, thường xuyên luân chuyển và thay đổi theo nhiệm kỳ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra nhất là tại cấp huyện, cấp xã.

- Do chưa có hướng dẫn, quy định về các nội dung, định mức chi duy trì hoạt động lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã như: Văn phòng phẩm, nhiên liệu phục vụ công tác; mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác PCTT-TKCN, trang bị bảo hộ nên gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

3. Kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả của công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh kiến nghị như sau:

a) Chính phủ: Có quy định cụ thể về lực lượng chuyên trách làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai ở địa phương; có chế độ đãi ngộ để sử dụng nhân lực được lâu dài, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong công tác.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai:

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phòng chống, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

- Sớm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thủy điện Trị An và thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều

27 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và chuyển giao cho địa phương, các chủ đầu tư để xây dựng Phương án ứng phó các tình huống khẩn cấp.

- Về nội dung chi của Quỹ phòng, chống thiên tai, đề nghị có hướng dẫn về: Định mức chi duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xem xét điều chỉnh cấp báo động tại trạm Thủ Dầu Một trên sông Sài Gòn và trạm Biên Hòa trên sông Đồng Nai phù hợp với các quy định của Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg và tình hình thực tế mức độ tác động của lũ lụt đến đê điều, bờ sông, công trình và dân sinh, kinh tế - xã hội và công tác phòng, chống thiên tai tại Bình Dương (*Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bình Dương đã có báo cáo, kiến nghị tại văn bản số 1369/BC-PCTT ngày 15/7/2019 về những bất cập báo động lũ và vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai*).

- Bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới trạm Khí tượng, thủy văn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ thường niên

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg, ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016 - 2020, Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 11/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn, nhiễm mặn và cháy rừng trong mùa khô năm 2020; Kế hoạch số 5412/KH-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Kế hoạch số 1398/KH-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2020, Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025; rà soát, cập nhật bổ sung Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ trực ban phòng, chống thiên tai theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa

học Thủy lợi miền Nam, Đài khí tượng thủy văn Bình Dương và các hồ chứa Quốc gia để nắm tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai bão, lũ kịp thời thông báo đến các địa phương và nhân dân biết để tổ chức phòng, tránh có hiệu quả. Cảnh giác đề phòng trong những tháng cuối năm xảy ra lũ, bão ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Bình Dương, cùng với triều cường các sông dâng cao kết hợp các hồ chứa quốc gia xả lũ; chủ động tham mưu chỉ huy, chỉ đạo các địa phương xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống thiên tai xảy ra.

- Tổ chức kiểm tra và chỉ đạo các địa phương, đơn vị quản lý công trình theo phân cấp thực hiện kiểm tra đối với các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai đặc biệt là công trình hồ chứa, đê bao, tiêu thoát nước đầy đủ, đúng định kỳ trước, trong và sau mùa mưa lũ, phát hiện hư hỏng, sửa chữa, gia cố kịp thời đảm bảo an toàn công trình và chống ngập úng do mưa, lũ, triều cường.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp phòng tránh dông, lốc xoáy, mưa đá trong thời kỳ chuyển mùa; tăng cường thực hiện các biện pháp kiểm tra, phòng ngừa tai nạn đuối nước trong mùa hè,

- Tổ chức diễn tập nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động của lực lượng tìm kiếm cứu nạn, đồng thời giúp cho nhân dân hiểu biết về phòng chống thiên tai, nâng cao tính chủ động của cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh thiên tai rộng rãi trong nhân dân, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, phát huy ý thức tự giác của cộng đồng dân cư.

2. Thực hiện kiểm kê và đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh; cử cán bộ tham gia đào tạo điều khiển phương tiện thủy nội địa và tập huấn, huấn luyện về nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn. Tích cực tổ chức huấn luyện, luyện tập, diễn tập cho các đối tượng theo quy định.

3. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 03/02/2016, xây dựng cộng đồng an toàn gắn với thực hiện tiêu chí an toàn về phòng chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới.

4. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, phường, thị trấn.

5. Tổ chức thực hiện thu, quản lý và sử dụng có hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai theo đúng quy định.

6. Tăng cường hoạt động thông tin truyền thông, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với các loại hình thiên tai phổ biến trên địa bàn tỉnh như: mưa lớn, lốc xoáy, triều cường, ... bằng nhiều hình thức, bảo đảm thông tin về thiên tai đến 100% các xã, phường, thị trấn.

7. Hoàn thành công tác khắc phục hậu quả thiên tai năm 2019 đảm bảo đúng mục đích, đối tượng và hiệu quả nguồn kinh phí; tiếp tục thực hiện di dời các hộ dân nằm trong vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông đến khu vực an toàn.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Dương. /*Th*

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TWPCTT;
- Chi cục PCTT k/v miền Nam;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Trưởng ban PCTT-TKCN tỉnh;
- Lưu: VT, CCTL, Ca (07).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Lê Cảnh Dân**



Phụ lục 01: Tổng lượng mưa năm 2019 đo tại các trạm

TT	Tên Trạm	Năm 2018		Năm 2019		So sánh năm 2018 (%)
		Lượng mưa (mm)	Số ngày mưa (ngày)	Lượng mưa (mm)	Số ngày mưa (ngày)	
1	Phước Hòa	1.901,9	137	1.716,3	122	90,2
2	Dầu Tiếng	2.310,1	144	1.840,9	145	79,7
3	Bà Lụa	1.711,1	125	1.591,8	107	93,0
4	Sở Sao	2.298,0	153	2.023,2	146	88,0
5	Thuận An	1.712,1	92	1.712,6	110	100,0
6	Tân Uyên	1.919,7	110	1.646,6	115	85,8
7	Dĩ An	1.919,4	89	1.570,6	116	81,8
8	Bến Cát	2.214,9	125	1.612,1	126	72,8
9	Bàu Bàng	1.829,3	108	1.768,7	124	96,7
10	Bắc Tân Uyên	1.592,8	117	1.561,4	114	98,0
11	Chi cục Thủy lợi	2.907,1	167	2.073,2	166	71,3
Trung bình		2.028,7		1.737,9		85,7

Phụ lục 02: Thống kê mực nước lớn nhất trong các tháng mùa lũ năm 2019

Tên Sông	Tháng Trạm	Mực nước (m)							
		V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Sông Bé	Phước Hòa	21,34	19,84	21,46	24,18	27,82	25,06	22,12	19,42
Sài Gòn	Thủ Dầu Một	1,31	1,32	1,27	1,32	1,67	1,59	1,57	1,49
Sài Gòn	Dầu Tiếng	1,23	1,25	1,38	1,11	1,43	1,33	1,30	1,26
Đồng Nai	Biên Hòa	1,66	1,58	1,53	1,74	2,03	2,03	1,84	1,71

Phụ lục 05: Công tác thu Quỹ phòng chống thiên tai năm 2019 (đến 30/11/2019)

STT	Địa phương	Kế hoạch thu 2019 (QĐ 515/QĐ-UBND)	Thu Quỹ đến 30/11/2019	Tỷ lệ đạt so với KH
1	Thủ Dầu Một	8.000.000.000	9.472.545.189	118,41%
2	Bắc Tân Uyên	900.000.000	1.143.193.529	127,02%
3	Bến Cát	4.500.000.000	4.272.381.290	94,94%
4	Dầu Tiếng	1.550.000.000	1.393.241.000	89,89%
5	Dĩ An	4.850.000.000	5.246.011.879	108,17%
6	Bàu Bàng	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00%
7	Thuận An	11.000.000.000	13.529.677.275	123,00%
8	Phú Giáo	900.000.000	837.346.930	93,04%
9	Tân Uyên	4.000.000.000	4.500.000.000	112,50%
Tổng cộng		36.700.000.000	41.394.397.092	112,79%

Phụ lục 03: Danh mục các khu vực sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Bình Dương

TT	Tên khu vực sạt lở	Tuyến bờ sông/bờ biển	Địa danh (thôn, xã, huyện)	Chiều dài (m)	Phân loại mức độ sạt lở	Mức độ ảnh hưởng tới dân sinh, kinh tế	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)	Ghi chú
I	Sông Sài Gòn			16.165				
1	Gần kho xăng dầu Thanh Lễ	Sông Sài Gòn	Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một	50	Bình thường	Ảnh hưởng có nguy cơ gây sạt lở bờ bao, gây ngập úng đất SXNN và nhà dân		Đã ổn định
2	Đoạn từ Bến đò Bà Lụa đến Vàm Bà Lụa	Sông Sài Gòn	Khu 6, P. Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một	700	Bình thường			Phát sinh năm 2019, đơn vị quản lý đang thực hiện gia cố sạt lở
3	Hệ ông Nguyễn Thành Đức	Sông Sài Gòn	Khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An	60	Bình thường	Mất đất sản xuất nông nghiệp		Phát sinh năm 2019, hiện đã ổn định
4	Vịnh Bầu Quyen	Sông Sài Gòn	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	60	Bình thường	Mất đất sản xuất nông nghiệp		
5	Ruộng rau muống	Sông Sài Gòn		120				
6	Ngã 3 sông Suối Cát	Sông Sài Gòn		25				
7	Áp Bến Chùa	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	600	Bình thường			
8	Áp Xóm Mới	Sông Sài Gòn		100				
9	Áp Cản Giăng	Sông Sài Gòn		450				
10	Từ áp Bến Chùa (xã Thanh An) đến giáp áp Lâm Vô	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000	Bình thường	Mất đất sản xuất nông nghiệp khoảng 9,5 ha		Đã ổn định
11	Từ áp Gò Mối đến áp Xóm Lâm	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				
12	Vàm Công Mương đến Dải ở Ròng (ấp Xóm Lắm)	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				
13	Từ chân cầu Bến Súc đến cầu Suối Xuy Nô	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				
14	Từ cầu suối Xuy Nô đến nhà ông Nguyễn Văn Ty	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				
15	Cánh Đồng Diu Gà	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				
16	Từ nhà ông Phan Văn Rua đến nhà ông Nguyễn Văn Bùa	Sông Sài Gòn	Xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng	2.000				

TT	Tên khu vực sạt lở	Tuyến bờ sông/bờ biển	Địa danh (thôn, xã, huyện)	Chiều dài (m)	Phân loại mức độ sạt lở	Mức độ ảnh hưởng tới dân sinh, kinh tế	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)	Ghi chú
II	Sông Thị Tinh			747				
1	Ấp Hàng Nù	Sông Thị Tinh	Xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	7	Bình thường	Mất đất sản xuất nông nghiệp		Đã ổn định
2	Ấp Bàu Khai		Xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	15				
3	Ấp Hồ Cạn		Xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	25				
4	Ấp Bờ Càng	Xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	500	Bình thường				
5	Ấp Hóc Măng	Xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	200					
II	Sông Bé			500				
I	Sau đập Phước Hòa xuống khoảng 2km	Sông Bé	Ấp 4, ấp Phú Thịnh 2, ấp Tân Bình, xã An Thái, huyện Phú Giáo	500	Bình thường	Mất đất sản xuất nông nghiệp của 07 hộ dân		Đã ổn định
III	Sông Đồng Nai			6.347				
1	Khu phố 7, phường Uyên Hưng	Sông Đồng Nai	Khu phố 7, p. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên	500	Nguy hiểm	Ảnh hưởng đến nhà ở, đất sản xuất nông nghiệp cần phải di dời		Đoạn từ cầu Rạch Trè đến nhà ông Trần Văn Bưng (hướng ngược lại đối với kẻ từ cầu Rạch tre đến Thị Ủy Tân Uyên). Đã ổn định
2	Tổ 1 ấp Tân Hội	Nhánh sông con Đồng Nai	Ấp Tân Hội, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	300	Nguy hiểm	Ảnh hưởng đến nhà ở, đất sản xuất nông nghiệp cần phải di dời	79,77	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở Cù lao Rùa (vị trí cổ Rùa), chiều dài 1.019m đang thẩm định trình phê duyệt dự án.
3	Tổ 1 ấp Tân Hội	Sông Đồng Nai	ấp Tân Hội, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	500	Nguy hiểm			
4	Xóm nhà ông Huỳnh Hữu Thành	Tuyến rạch bà Kiên, rạch nhánh Sông Đồng Nai	Kp Dư Khánh, P Thanh Phước, thị xã Tân Uyên	30	Nguy hiểm			
5	Hộ dân Từ bên đó Thạnh Hiệp - Bùi Thị Nhung	Sông Đồng Nai	ấp Thạnh Hiệp, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	300	Nguy hiểm			Tiếp tục sạt lở. Thị xã Tân Uyên đang xây dựng phương án di dời.
6	Bến đò Miếu Bà Chúa Xứ	Sông Đồng Nai	Tổ 5, kp Ba Đình, P. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên	250	Đặc biệt nguy hiểm	Ảnh hưởng đến khu dân cư		

TT	Tên khu vực sạt lở	Tuyến bờ sông/bờ biển	Địa danh (thôn, xã, huyện)	Chiều dài (m)	Phân loại mức độ sạt lở	Mức độ ảnh hưởng tới dân sinh, kinh tế	Kinh phí để xuất (tỷ đồng)	Ghi chú
7	Tổ 2- 5. kp Tân Bà	Sông Đồng Nai	Tổ 2-5. kp Tân Bà. P. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên	750	Nguy hiểm			
8	Hộ dân Mai Thị Vê - Cao Hữu Phước	Sông Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh. xã Thanh Hội. thị xã Tân Uyên	80	Nguy hiểm			
9	Hộ dân Nguyễn Thị Thanh - Nguyễn Thị Mai	Sông Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	100	Nguy hiểm			
10	Hộ dân Nguyễn Thị Nhi - Nguyễn Phát Tài	Sông Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	50	Nguy hiểm			
11	Hộ dân Võ Thị Kim Liên	Sông Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh, xã Thanh Hội. thị xã Tân Uyên	70	Nguy hiểm	Ảnh hưởng đến nhà ở, đất sản xuất nông nghiệp cần phải di dời		Thị xã Tân Uyên đang xây dựng phương án di dời.
12	Hộ dân Nguyễn Văn Quan - Nguyễn Hữu Nghĩa	Sông Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	300	Bình thường			
13	Hộ dân Trần Thị Dĩa	Nhánh sông con Đồng Nai	Áp Nhứt Thanh, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	50	Nguy hiểm			
14	Hộ dân Lê Thành Ý - Mai Thị Thy	Nhánh sông con Đồng Nai	Áp Thanh Hòa, xã Thanh Hội, thị xã Tân Uyên	300	Bình thường			
15	Hộ dân Khu phố Bình Chánh	Phái tuyến	Khu phố Bình Chánh, p. Khánh Bình, thị xã Tân Uyên	1.990	Bình thường			
16	Khu phố Bình Chánh Đông	Phái tuyến	Khu phố Bình Chánh Đông, p. Khánh Bình, thị xã Tân Uyên	1.800	Bình thường			
17	Khu vực gần Cầu rạch Ró, ấp 3	Đồng Nai	Xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên	50	Bình thường	Ảnh hưởng đến nhà ở, đất sản xuất nông nghiệp cần phải di dời		
18	Khu vực đất hộ Nguyễn Văn Hải	Đồng Nai	Áp 3, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên	70	Bình thường	Ảnh hưởng đến đường giao thông ĐT746 và nhà ở cần phải di dời		
19	Khu vực đất hộ Nguyễn Văn Tấn	Đồng Nai	Áp Xóm Đèn, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên	50	Bình thường			
20	Tổ 10, ấp 2, xã Lạc An	Đồng Nai	Xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên	165	Nguy hiểm	Ảnh hưởng đến nhà ở, cần phải di dời	67,8	Huyện Bắc Tân Uyên đang thực hiện di dời theo Quyết định số 1807/QĐ- UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
21	Tổ 15, ấp 3, xã Lạc An	Đồng Nai		26	Nguy hiểm			
22	Tổ 16, ấp 4, xã Lạc An	Đồng Nai		47	Nguy hiểm			
23	Tổ 16, ấp 4, xã Lạc An	Đồng Nai		48	Nguy hiểm			
24	Tổ 17, ấp 4, xã Lạc An	Đồng Nai		71	Nguy hiểm			

	Tên khu vực sạt lở	Tuyến bờ sông/bờ biển	Địa danh (thôn, xã, huyện)	Chiều dài (m)	Phân loại mức độ sạt lở	Mức độ ảnh hưởng tới dân sinh, kinh tế	Kinh phí để xuất (tỷ đồng)	Ghi chú
25	Vị trí 1. ấp 2. xã Thường Tân	Đòng Nai	Xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên	20	Bình thường	Ảnh hưởng đến đời sống		Đã ổn định
26	Vị trí 2. ấp 2, xã Thường Tân	Đòng Nai		10	Bình thường			
27	Vị trí 3. ấp 2. xã Thường Tân	Đòng Nai		10	Bình thường			
28	Vị trí 4. ấp 2. xã Thường Tân	Đòng Nai		10	Bình thường			
29	Vị trí 5. ấp 2, xã Thường Tân	Đòng Nai		30	Bình thường			
	Tổng cộng			23.759			147,6	

Phụ lục 04

Thông kê tình hình thiệt hại do thiên tai năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Mẫu biểu 08/TKTH theo Thông tư liên tịch số 43/2015 TT LT-BNNPTNT-BKHĐT)

Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI				
NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	Triệu	x		
NH02	Thiệt hại rất nặng (từ 50% -70%)	cái	-	-	
NH021	Nhà kiên cố	cái	-	-	
NH022	Nhà bán kiên cố	cái	43	559	
NH023	Nhà thiếu kiên cố	cái	-	-	
NH024	Nhà đơn sơ	cái	1	10	Nhà kho
NH03	Thiệt hại nặng (từ 30% -50%)	cái	-	-	
NH031	Nhà kiên cố	cái	-	-	
NH032	Nhà bán kiên cố	cái	-	-	
NH033	Nhà thiếu kiên cố	cái	-	-	
NH034	Nhà đơn sơ	cái	-	-	
NH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)		-	-	
NH041	Nhà kiên cố	cái	3	-	
NH042	Nhà bán kiên cố	cái	181	6.052	
NH043	Nhà thiếu kiên cố	cái	-	-	
NH044	Nhà đơn sơ	cái	10	-	
NH05	Nhà bị ngập nước	lượt	-	-	
NH051	Bị ngập dưới 1m	lượt	777	-	
NH052	Bị ngập nước (1-3)m	lượt	9	-	
NH053	Bị ngập nước trên 3m	lượt	-	-	
NH07	Nhà phải di dời khẩn cấp	cái	-	-	
NH09	Các thiệt hại về nhà ở khác (*)	triệu đồng	-	-	
GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng	-	-	
GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm	-	-	
GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên	cái	-	-	
GD021	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	-	-	
GD022	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái	-	-	
GD023	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	2	313,2	744m2 la phòng, 500m2 mái che sân trường, 455m2 khung kính phòng học
GD024	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	1	40	
NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, ĐIỂM NGHIỆP	triệu đồng	-	-	
NLN01	Diện tích lúa	ha	-	-	
NLN011	Diện tích gieo cấy lúa thuận	ha	-	-	
NLN0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	124	1.084,5	
NLN0112	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha	83	337	
NLN012	Diện tích gieo cấy lúa lại	ha	20	80	
NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	-	-	
NN031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	84,65	956,5	
NN032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha	0,26	2,93	
NN033	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	1,0	10	
NN034	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	7,0	10	

Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
NLN05	Diện tích cây trồng lâu năm	ha	-	-	
NLN051	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	57,41	4.802,5	
NLN052	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	1,0	300	
NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha	-	-	
NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	1,35	15	
CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng	-	-	
CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con	-	-	
CHN01	Trâu, bò, ngựa	con	1,0	40	
CHN02	Nai, cừu, dê	con	-	-	
CHN03	Lợn	con	-	-	
CHN04	Các loại gia súc khác	con	-	-	
CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	-	-	
CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con	213	7,07	
CHN023	Các loại gia cầm khác	con	-	-	
TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng	-	-	
TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng		-	-	
TL041	Chiều dài	m	25,0	70	
TL03	Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở	m	-	-	
TL081	Chiều dài sạt lở, vỡ	m	461,0	2.425	
GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng	-	-	
GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, huyện, đường xã)		-	-	
GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	7.260	1.000	
GT022	Chiều dài bị ngập	m	4.120	-	
GT029	Công trình phụ trợ khác	cái	1	40	Cầu dân sinh
TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng	-	-	
TS01	Diện tích nuôi cá truyền thống		-	-	
TS011	Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	ha	-	-	
TS0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	4,61	71	
CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng	-	-	
CN06	Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp	cái	-	-	
CN061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	-	-	
CN062	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	cái	-	-	
CN063	Thiệt hại nặng từ 30% - 50%	cái	-	-	
CN064	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	3	320	
CT04	Tường rào, cổng bị đổ, sập, hư hỏng	triệu đồng	95	81	
CT05	Công trình phụ bị hư hỏng	triệu đồng	-	-	
CT07	Các thiệt hại khác (*)	triệu đồng	x	722,5	Vật dụng gia đình (bàn, ghế, tủ, máy bơm, bồn nước...)
ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẰNG TIỀN			-	19.349,2	